

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế của Học viện Ngân hàng

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế Học viện Ngân hàng;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 11 ngày 26/4/2024.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế Học viện Ngân hàng của đoàn Đánh giá ngoài. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế Học viện Ngân hàng đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế Học viện Ngân hàng sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46/50 tiêu chí (chiếm 92%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Học viện Ngân hàng cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh

doanh quốc tế (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế cho Học viện Ngân hàng theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Ngân hàng;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Kim Dung**

**Phụ lục I.**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ**  
**CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/4/2024  
của Hội đồng KĐCLGD)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>						
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100		
Tiêu chí 1.2	4										
Tiêu chí 1.3	4										
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					<b>Tiêu chuẩn 8</b>						
Tiêu chí 2.1	3	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4				4,20	5
Tiêu chí 2.2	4										
Tiêu chí 2.3	4										
<b>Tiêu chuẩn 3</b>											
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100		
Tiêu chí 3.2	3										
Tiêu chí 3.3	4										
<b>Tiêu chuẩn 4</b>											
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 8.2	4				4,17	6
Tiêu chí 4.2	4										
Tiêu chí 4.3	4										
<b>Tiêu chuẩn 5</b>											
Tiêu chí 5.1	4	4,00	4	80,0	Tiêu chí 9.1	4	4,60	5	100		
Tiêu chí 5.2	4										
Tiêu chí 5.3	3										
Tiêu chí 5.4	4										
Tiêu chí 5.5	5										
<b>Tiêu chuẩn 6</b>											
Tiêu chí 6.1	4	4,00	6	85,71	Tiêu chí 10.1	4	4,60	5	100		
Tiêu chí 6.2	3										
Tiêu chí 6.3	4										
Tiêu chí 6.4	4										
Tiêu chí 6.5	4										
Tiêu chí 6.6	5										
Tiêu chí 6.7	4										
<b>Tiêu chuẩn 11</b>											
Tiêu chí 11.1	5				Tiêu chí 10.2	4	4,60	5	100		
Tiêu chí 11.2	4										
Tiêu chí 11.3	5										
Tiêu chí 11.4	5										
Tiêu chí 11.5	4										
<b>Mức trung bình</b>				<b>Số tiêu chí đạt</b>	<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>						
4,06				46	92,0						



**Phụ lục II.**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ**  
**CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/4/2024  
của Hội đồng KĐCLGD)*

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế của Học viện Ngân hàng, giai đoạn 2018 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Ngân hàng, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng được xác định rõ ràng gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, sử dụng các động từ Bloom/tương đương, chia thành các chỉ báo (PI) với cấp độ cần đạt tương ứng, đảm bảo đo lường được khi đánh giá. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo có cấu trúc đáp ứng quy định, cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo của ngành Kinh doanh quốc tế. Đề cương học phần có đầy đủ các thông tin theo quy định, được rà soát và ban hành vào các năm 2019, 2022, có lấy ý kiến của các chuyên gia, giảng viên, cựu người học. Phiên bản 2022 có cập nhật thông tin về chuẩn đầu ra, học phần và ma trận kiểm tra đánh giá. Kết cấu bản mô tả và đề cương học phần năm 2022 có sự điều chỉnh, bổ sung so với phiên bản 2019. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai trên trang thông tin điện tử, phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận bản mô tả chương trình đào tạo.

3. Chương trình dạy học được thiết kế theo chuẩn đầu ra, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Đề cương học phần có mô tả việc sử dụng phương pháp giảng dạy khác nhau như dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác. Chương trình dạy học được bố trí hợp lý, đảm bảo tính kế thừa và tích lũy kiến thức đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đề cương học phần mô tả tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa học phần và đánh giá cuối học phần nhằm đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát điều chỉnh, bổ sung cập nhật có tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và nước ngoài.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và truyền tải đến giảng viên, người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Giảng viên hiểu và truyền tải triết lý giáo dục vào hoạt động xây dựng chương trình đào tạo. Đề cương chi tiết học phần mô tả tổ hợp phương pháp giảng dạy đa dạng phù hợp để đạt chuẩn đầu ra. Người học được giảng viên hướng dẫn các hoạt động học tập phù hợp với từng chương, chủ đề từng

chuẩn đầu ra của học phần giúp người học chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt chuẩn đầu ra. Người học và giảng viên hài lòng với các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập được sử dụng trong chương trình đào tạo. Các kỹ năng mềm được cung cấp qua các học phần chuyên ngành và một số học phần kỹ năng. Đề cương học phần quy định thời gian tự học, giảng viên rèn luyện cho người học kỹ năng tự học và tìm kiếm tài liệu để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Học viện ban hành các văn bản về quy trình và kế hoạch đánh giá kết quả học tập, hướng dẫn lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá cho từng loại chuẩn đầu ra, hướng dẫn thiết kế đề thi, kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra. Đề cương học phần nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các tài liệu quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, trọng số và cơ chế phản hồi kết quả học tập được thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, được phổ biến cho người học trước mỗi khóa học, kỳ học. Học viện đã thực hiện phân tích phổ điểm và mối liên hệ giữa điểm thành phần và điểm kết thúc học phần. Học viện có quy định rõ cơ chế phản hồi kết quả học tập và phổ biến đến giảng viên và người học bằng nhiều hình thức khác nhau. người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập. Tỷ lệ phúc khảo rất thấp người học hài lòng với thủ tục khiếu nại kết quả học tập.

6. Học viện đã thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đã ban hành đầy đủ các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Các tiêu chí về tuyển dụng viên chức và nhà lao động cũng như các văn bản quy định và hướng dẫn đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên, các quy định về xét thi đua khen thưởng được ban hành đầy đủ, đúng quy định và được phổ biến công khai, được thực hiện minh bạch. Công tác đánh giá năng lực của giảng viên thông qua bộ chỉ số KPIs và công tác bình xét thi đua được đa số giảng viên hài lòng và có tác dụng khuyến khích, tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ giảng viên. Hằng năm, Học viện đã khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tương đối hiệu quả. Học viện có quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và đã triển khai giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

7. Học viện Ngân hàng có kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020; chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng đề án vị trí việc làm quy định rõ yêu cầu về chuyên môn, trình độ của đội ngũ nhân viên tương ứng từng vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm cũng đã có công việc hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ nhân viên và gắn với số lượng người làm việc cần thiết. Năng lực của đội ngũ nhân viên của được thể hiện ở nhiều văn bản do Học viện ban hành trong đó có quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) tại Học viện với các tiêu chí đã được lượng hóa cho nhân viên. Học viện quan tâm đến việc phát triển đội ngũ nhân viên, đã dành một phần kinh phí và cử nhân viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Học viện đã khảo sát, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên làm căn cứ để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Học viện

đã thu thập ý kiến đánh giá về mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học thông qua các buổi đối thoại với người học hằng năm, khảo sát của người học trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo.

8. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Học viện rõ ràng, đúng các quy định hiện hành được nêu rõ trong đề án tuyển sinh hằng năm cùng đầy đủ thông tin theo quy định và được cập nhật phù hợp với quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành, được công khai và có sự góp ý của một số bên liên quan. Các tiêu chí tuyển chọn người học được xác lập đầy đủ, chi tiết, đảm bảo các ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định, đồng thời có tính đến đặc thù của chuyên ngành. Quá trình học tập và rèn luyện của người học được giám sát chặt chẽ và hiệu quả bởi một hệ thống phù hợp với sự tham gia của nhiều đơn vị và sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo; các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập và khả năng có việc làm của người học đa dạng, phong phú, hiệu quả; môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thân thiện.

9. Học viện có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp dành cho chương trình đào tạo. Thư viện có nguồn tài liệu phù hợp, phong phú, được bổ sung hằng năm và đáp ứng đầy đủ nhu cầu về tài liệu cho giảng viên và người học. Các phòng thực hành cùng trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, được kiểm tra thường xuyên, định kỳ bảo dưỡng, cập nhật để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Học viện có môi trường sạch, đẹp; các biện pháp để bảo vệ môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật được xác định và triển khai thực hiện.

10. Học viện/Khoa có các quy định và có triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên, có chính sách và đầy đủ các văn bản và quy định, yêu cầu rõ ràng, có định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng và có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đội ngũ đảm bảo chất lượng của Học viện chuyên nghiệp, nhiệt tình và được đào tạo bài bản.

11. Học viện có xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học với các chương trình đào tạo khác trong Học viện. Học viện có hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu người học do Phòng Đào tạo quản lý. Phòng phối hợp với ban quản lý/điều phối các chương trình đào tạo và Khoa/bộ môn thực hiện khảo sát hằng năm về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp nhằm có các số liệu về tình trạng của người học tốt nghiệp và đối sánh với các chương trình đào tạo tương tự khác của Học viện. Tỉ lệ người học thôi học thấp, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn khá cao. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tương đối phù hợp với thiết kế; tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm và tỉ lệ có việc làm cao. Mục tiêu, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học cũng được quy định và giám sát ở cấp Học viện/Khoa. Học viện/ban/Khoa có nhiều hình thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ

sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện Ngân hàng và khoa Kinh doanh quốc tế cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Khoa cần rà soát mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát các phát biểu chuẩn đầu ra đảm bảo tương thích với Khung trình độ quốc gia trong lần điều chỉnh chương trình đào tạo kế tiếp. Khoa cần xây dựng và triển khai các công cụ để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học. Cần nâng cao hiệu quả phổ biến chuẩn đầu ra đến các bên liên quan, đặc biệt là người học để họ chủ động xây dựng kế hoạch học tập đạt chuẩn đầu ra.

2. Khoa cần rà soát, bổ sung ma trận quan hệ giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trong bản mô tả chương trình đào tạo. Cần rà soát đề cương học phần, bổ sung một số thông tin còn thiếu, rà soát các ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trong đề cương học phần. Học viện cần rà soát quy trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trong đó có quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành đề cương học phần. Khoa cần khảo sát về khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng để tăng hiệu quả của thông tin về chương trình đào tạo và đề cương học phần.

3. Khoa cần rà soát ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của các chương/bài với các phương pháp kiểm tra đánh giá. Khoa cần tổ chức đánh giá định lượng sự tương thích về nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; trong đó, cần phân tích các ý kiến đa chiều của các bên liên quan để xác định rõ mức độ tương thích và mức độ đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để có cơ sở cho việc điều chỉnh và hoàn thiện hơn các học phần của chương trình đào tạo.

4. Học viện cần ban hành văn bản hướng dẫn và triển khai lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá, hoàn thiện các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng học phần trong chương trình đào tạo. Khoa cần tăng cường tính thực tế trong giảng dạy các học phần và mời thêm doanh nghiệp nói chuyện chuyên đề để tăng tính thực tế cho các học phần chuyên ngành. Khoa cần rà soát chương trình dạy học, tăng tính thực tiễn, tích hợp kỹ năng mềm trong các học phần chuyên ngành. Khoa cần điều chỉnh đề cương học phần đảm bảo cung cấp các năng lực để người học có thể đạt được khả năng học tập suốt đời, có các biện pháp để đo lường đánh giá năng lực này.

5. Học viện cần xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết, tổ chức tập huấn chuyên sâu để giảng viên thiết kế và lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học viện cần tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Cần xây dựng văn bản hướng dẫn và triển khai việc đánh giá độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá. Khoa cần đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường được mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Rà soát bổ sung các rubric đánh giá mức tự chủ và trách nhiệm trong đề cương học phần. Cần khảo sát xây dựng cơ sở dữ

liệu về việc người học sử dụng kết quả phản hồi để cải thiện việc học tập.

6. Học viện/Khoa cần định kỳ đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược để có hướng đáp ứng kịp thời. Trong các đợt rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược tiếp theo, Học viện cần cụ thể hóa năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên theo đặc thù của khối ngành. Học viện và Khoa cần đầu tư hơn nữa trong việc thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao đồng thời tạo điều kiện cho các giảng viên đạt chuẩn PGS, đảm bảo nâng cao năng lực và đáp ứng quy mô đào tạo của Khoa/ngành. Học viện cần bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá giảng viên thông qua phần mềm và tiếp tục lượng hóa bộ chỉ số KPIs trong đánh giá giảng viên. Khoa cần tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên theo hướng chuyên sâu về phát triển chương trình đào tạo. Khoa cần có chính sách thúc đẩy tăng cường công bố các sản phẩm khoa học công nghệ có chỉ số cao (Q1, Q2) nhằm nâng cao năng lực đội ngũ và tăng thương hiệu của Học viện và của Khoa.

7. Học viện cần chú trọng đến việc phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học, đảm bảo cho việc ổn định đội ngũ nhân viên phát triển, biến động về quy mô ngành đào tạo, số lượng người học. Học viện cần ban hành chính sách thu hút, tuyển dụng nhân viên, đặc biệt chính sách thu hút nhân viên chuyên trách có chuyên môn sâu quản lý và phục vụ. Học viện cần xem xét hoàn thiện bộ tiêu chí và tổ chức đánh giá năng lực của nhân viên chi tiết, cụ thể theo vị trí việc làm, phù hợp với khả năng hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên theo KPIs đã xây dựng làm động lực phấn đấu nâng cao hiệu quả làm việc cho các nhân viên. Học viện cần tăng cường thêm kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, đặc biệt nhân viên làm việc tại Khoa chuyên môn.

8. Học viện cần mở rộng quy mô và số lượng xin ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các cựu người học, người học tiềm năng để có thêm nhiều đóng góp vào việc xây dựng chính sách tuyển sinh, vùng và đối tượng tuyển sinh của Học viện. Học viện cần tăng cường đội ngũ cố vấn học tập, hoàn thiện cơ chế phối hợp, cập nhật, trao đổi thông tin giữa các chủ thể trong hệ thống giám sát; cải tiến giao diện điện tử giám sát sự tiến bộ của người học. Học viện cần tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức các chương trình giao lưu thực tế để người học có cơ hội thực tế, thực tập, tìm kiếm việc làm. Việc khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cần được thực hiện thường xuyên hơn và cần làm rõ được nguyên nhân chưa hài lòng của người học để có giải pháp khắc phục. Học viện cần tìm thêm chỗ sinh hoạt thể dục, thể thao, chỗ để xe cho người học.

9. Học viện cần bố trí thêm phòng làm việc, phòng đọc cho giảng viên. Học viện cần bổ sung máy tính, đầu tư trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho thư viện để đáp ứng yêu cầu tự động hóa trong quản lý thư viện và tổ chức dịch vụ trực tuyến. Học viện cần đầu tư nâng cấp phòng thực hành: nâng cấp mạng internet; bố trí thêm sân chơi thể dục thể thao cho người học; quan tâm đầy đủ hơn đến điều kiện đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn của người khuyết tật và tư vấn sức khỏe tinh thần cho người học. Học viện cần



căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GD&ĐT quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020, quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDDH tại Thông tư số 14/2023 TT-BGDĐT ngày 17/07/2023 của Bộ GD&ĐT để có kế hoạch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất chung cũng như của thư viện.

10. Học viện cần xây dựng đầy đủ cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống để đánh giá, rà soát và định kỳ cải tiến. Học viện/Khoa cần thu thập ý kiến phản hồi và sự hài lòng của đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chương trình đào tạo nhiều hơn với mẫu lớn hơn. Học viện cần đẩy mạnh hơn nữa dự án xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu để tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin thuận lợi và dễ dàng hơn.

11. Học viện cần đẩy mạnh tiến trình đồng bộ và tích hợp dữ liệu, hướng dẫn các đơn vị phòng chức năng, các đơn vị đào tạo (Khoa và bộ môn) sử dụng dữ liệu chính xác và đáng tin cậy trong quá trình ra quyết định. Việc định kỳ giám sát và đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên dữ liệu và kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan; đặc biệt là người học, người học tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước là cần thiết cho sự phát triển của Học viện/Khoa.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện Ngân hàng cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế của Học viện Ngân hàng. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện Ngân hàng cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định hiện hành./.